

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN B  
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 315/2024/HS-ST  
Ngày 09/12/2024

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B, THÀNH PHỐ H  
*T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Tuyết

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Lê Thị Hạnh

Ông Dương Minh Tuấn – Cán bộ Đoàn thanh niên

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọt - là thư ký Tòa án nhân dân quận B.

**-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B, T phố H tham gia phiên tòa:** Bà Phong Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận B, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 316/2024/TLST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 319/2024/QĐ- ST ngày 18 tháng 11 năm 2024 đối với các bị cáo:

**1. Họ và tên: Nguyễn Đức T**, sinh ngày: 15/5/2006; Tên gọi khác: không; Giới tính: Nam; HKTT: Số 4A, hẻm 124/22/66 đường A, phường Y, quận T, Thành phố H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: không; Con ông: Nguyễn Đức C; Con bà: Lê Thị H; Vợ: chưa có; Danh bản, chỉ bản số 514 lập ngày 30/8/2024 tại công an quận B; Tiền án, tiền sự: 01 Tiền án:

Bản án số 251/2022/HSST ngày 23/11/2022 của TAND quận B xử phạt 30 tháng tù về tội Cướp giật tài sản. Ra trại ngày 25/4/2024, đã nộp án phí (Chưa xóa án tích) **Lần phạm tội này của bị cáo là tái phạm nguy hiểm.**

- Bị cáo bị bắt giữ từ ngày 25/8/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 – Công an T phố Hà Nội.

(Có mặt tại phiên tòa)

**2. Họ và tên: Hoàng Tuấn K**, sinh ngày: 07/7/2009 (tính đến ngày 13/8/2024 là 15 tuổi 01 tháng 16 ngày); Tên gọi khác: không; Giới tính: Nam; HKTT: Số 49 ngõ 84 V, phường T, quận H, Thành phố H Nơi cư trú: Số 5 hẻm 40/167/4 Do Nha, phường T, quận N, Thành phố H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: không; Con ông: Hoàng Ngọc M ; Con bà:Cao Thị H;

Vợ: chưa có; Danh bản, chỉ bản số 515 lập ngày 30/8/2024 tại công an quận Bắc Từ Liêm; Tiền án, tiền sự: Chưa

Bị cáo bị bắt giữ từ ngày 25/8/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 – Công an Thành phố H

(Có mặt tại phiên tòa)

**\*Người bị hại:**

Chị Nguyễn Thu T, sinh năm 2005

Cư trú: Số 30 ngách 460/7 T, phường B, quận T, TP H

(Vắng mặt tại phiên tòa)

**\*Người đại diện hợp pháp của bị cáo Hoàng Tuấn K:**

Ông Hoàng Ngọc M, sinh năm 1980

HKTT: Thôn 1, xã H, huyện H, tỉnh T

Cư trú: Số 5 hẻm 40/167/4 Do Nha, phường Tây M, quận N, Thành phố H. (Có mặt tại phiên tòa)

**\*Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Tuấn K:**

Ông Bạch Ngọc K – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Thành phố H;  
(Có mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng ngày 23/8/2024, do không có tiền tiêu xài cá nhân nên T rủ K đi trộm cắp tài sản để lấy tiền tiêu, K đồng ý. Khoảng chiều ngày 23/8/2024, T điều khiển xe máy Honda Vision màu xám, biển kiểm soát 29BM-016.88 chở K ngồi phía sau đi đến khu vực đề Đ tìm sắt để trộm cắp nhưng không có nên K rủ T đi cướp giật tài sản của người đi đường, T đồng ý. Khi cả hai đến khu vực đề Liên Mạc dốc xuống cổng làng Hoàng Xá, T và K phát hiện chị Phạm Hương Giang (Sinh năm: 2005; HKTT: TDP Phúc Lý 2, Minh Khai, Bắc Từ Liêm, Hà Nội) điều khiển xe máy chở theo chị Nguyễn Thu T ngồi phía sau. Chị T đeo 01 túi xách màu đen ở vai trái. Thấy vậy T đuổi theo, áp sát bên trái xe của chị Giang, K với tay phải sang giật túi xách của chị T ngồi phía sau. Khi giật được tài sản, T tăng ga để tẩu thoát. Cả hai đi đến gần khu vực cổng trường Tiểu học Liên Mạc, K kiểm tra bên trong túi xách có 01 điện thoại di động kiểu dáng Iphone 14 ProMax màu tím và 01 căn cước công dân, ngoài ra không có tài sản gì khác. Lúc này, T và K thấy chị T và chị Giang đuổi theo phía sau gần đến nơi nên đã vút lại chiếc điện thoại vừa cướp giật vào bụi cỏ ven đường rồi bỏ chạy. Đi được một đoạn thì

T và K tiếp tục vớt lại túi xách và căn cước công dân của chị T tại khu vực đường đê L.

Sau khi đuổi theo bị mất dấu T và K nên Chị T và chị Giang đã đến công an phường Liên Mạc trình báo sự việc. Tại Cơ quan điều tra, T và K khai nhận hành vi của mình như trên. (BL 131 - 141; 156 - 167)

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Vision, màu: xám – đen; biển kiểm soát: 29BM 016.88; số khung: RLHJK0353RY082990; số máy: JK03E3399147, qua xác minh xác định chủ sở hữu là anh Nguyễn Đức Đ (SN: 2002; HKTT: phường Y, quận T, TP H) là anh ruột của Nguyễn Đức T. Tại cơ quan điều tra, anh Đ khai xe máy hay để ở sân của gia đình, mọi người trong gia đình sử dụng chung, Nguyễn Đức T tự lấy đi, anh Đ không biết T sử dụng xe máy để đi cướp giật tài sản. Qua tra cứu, xe máy không nằm trong dữ liệu xe máy vật chứng.

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax; 01 (một) túi xách giả da, màu đen, đã qua sử dụng và 01 (một) thẻ căn cước công dân số 001305016690 mang tên Nguyễn Thu T. Quá trình điều tra xác định chủ sở hữu là chị Nguyễn Thu T.

Ngày 28 tháng 10 năm 2024, Cơ quan cảnh sát điều tra ra Quyết định xử lý vật chứng trao trả anh Nguyễn Đức Đ chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Vision, màu: xám – đen; biển kiểm soát: 29BM 016.88; số khung: RLHJK0353RY082990; số máy: JK03E3399147 đồng thời trao trả chị Nguyễn Thu T chiếc điện thoại, túi xách và căn cước công dân trên. Anh Đ và chị T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu đề nghị gì.

**\* Về vật chứng:** 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro màu xanh lấp sim 0366502974 đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu trắng lấp sim 0866183299 thu giữ của T và K chuyển Chi cục Thi hành án dân sự quận B để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung trên.

Bản cáo trạng số 311/CT - VKSBTL ngày 15/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân quận B quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Đức T về tội “cướp giật tài sản ” theo điểm d, i khoản 2, Điều 171 Bộ luật hình sự. Truy tố bị cáo Hoàng Tuấn K theo điểm d, khoản 2, Điều 171 Bộ luật hình sự

Căn cứ vào nhân thân cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm d, i khoản 2 điều 171; Điều 38; Điểm s, khoản 1, Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo T từ 42 tháng đến 48 tháng tù;

Áp dụng điểm d, khoản 2 điều 171; Điều 90, Điều 91; Điều 65; Điểm s, khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo K từ 15 tháng đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo hạn thử thách từ 30 tháng đến 36 tháng.

- Hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Về vật chứng vụ án: 02 điện thoại thu giữ của các bị cáo liên quan đến việc phạm tội nên tịch thu sung công.

Về án phí: Bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo K được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

### **Người bào chữa cho bị cáo K trình bày quan điểm:**

Về tội danh quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự là có cơ sở, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, cũng như tại phiên tòa. Tuy nhiên đề nghị HĐXX xem xét cân nhắc cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ sau:

Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo T khẩn khai nhận đầy đủ, đúng sự thật, không quanh co chối tội thể hiện sự ăn năn hối cải. Đề nghị cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, gia đình bảo lãnh quản lý bị cáo tại nơi cư trú, tài sản đã thu hồi trả cho người bị hại, người bị hại có đơn đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo. Gia đình có ông nội, bà nội, bà ngoại là người có công với cách mạng. Đề nghị cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo phạm tội vào thời điểm 15 tuổi 01 tháng 16 ngày là người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi thực hiện hành vi phạm tội. Nguyên nhân là do nhận thức pháp luật còn nhiều hạn chế, đua đòi bạn bè, không ý thức được hậu quả xảy ra. Đây là lần đầu bị đưa ra xét xử nên đề nghị HĐXX áp dụng nguyên tắc theo các điều 90, 91 Bộ luật hình sự.

Từ các phân tích trên, đề nghị HĐXX tuyên phạt mức án thấp nhất do VKS đề nghị, cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ răn đe và phòng ngừa chung, tạo điều kiện để bị cáo đi học, phấn đấu sửa chữa sai lầm, làm lại cuộc đời, trở T công dân có ích cho xã hội, thể hiện sự nhân đạo, khoan hồng của pháp luật. Đề nghị HĐXX miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo nhận thấy hành vi của mình là sai trái, vi phạm pháp luật, rất hối lỗi và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo T được hưởng mức án nhẹ nhất, đề sớm được đoàn tụ với gia đình, bị cáo K đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo để tiếp tục được đi học và xin hứa không bao giờ tái phạm nữa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra – Công an quận Bắc Từ Liêm; Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại nên hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và các chứng cứ khách quan khác, đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 23/8/2024, tại khu vực đê L, phường L, quận B, TP H, Nguyễn Đức T và Hoàng Tuấn K điều khiển xe máy Honda Vision màu xám BKS 29BM – 016.88 áp sát bên trái xe của chị Nguyễn Thu T giật 01 túi xách giả da màu đen trị giá 60.000đồng bên trong có 01 chiếc điện thoại Iphone 14 Promax màu tím trị giá 18.000.000đồng và 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Thu T. Như vậy, hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu T tội: “Cướp giật tài sản”, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự. Nhân thân bị cáo T xấu có 01 tiền án khi phạm tội bị cáo 16 tuổi 01 tháng 28 ngày là từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi, phạm tội rất nghiêm trọng với lỗi cố ý, bị cáo vừa ra trại, chưa được xóa án tích mà tiếp tục phạm tội rất nghiêm trọng nên lần phạm tội này là tái phạm nguy hiểm nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng định khung hình phạt quy định tại điểm i, khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự.

Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận B truy tố hành vi phạm tội của bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội. Các bị cáo biết rõ việc sử dụng xe máy giật tài sản của người khác sẽ làm ảnh hưởng đến sức khỏe tinh mạng của người bị hại nhưng các bị cáo vẫn thực hiện hành vi với lỗi cố ý. Các bị cáo đồng phạm giản đơn, không phân chia vai trò cụ thể nên không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức. Do vậy, cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội của từng bị cáo, cách ly bị cáo T khỏi đời sống chung xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục, cải tạo, răn đe và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi lượng hình HĐXX xem xét thái độ của bị cáo T T khẩn khai nhận tội, ăn năn hối cải, tài sản đã được thu hồi trả cho người bị hại để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Đối với bị cáo K khi phạm tội là 15 tuổi 01 tháng 16 ngày là từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi được áp dụng quy định tại điều 90, 91 Bộ luật hình sự; Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo K T khẩn khai nhận tội, ăn năn hối cải, lần đầu bị đưa ra xét xử, tài sản đã được thu hồi trả cho người bị hại, người bị hại có đơn đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo; gia đình bị cáo có ông nội, bà nội, bà ngoại là người có công với cách mạng, bị cáo đang trong độ tuổi đi học, có nơi cư trú rõ

ràng, gia đình xin bảo lãnh quản lý bị cáo nên không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống chung xã hội, cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ bị cáo sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh trở T công dân có ích cho xã hội.

Các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[3]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không

[4]. Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo T được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo K được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5]. Về vật chứng vụ án: 02 điện thoại di động các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung công theo Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[6]. Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm; Bị cáo K là người chưa T niên phạm tội nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định. Các bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị cáo, người bào chữa người bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đức T, Hoàng Tuấn K phạm tội “Cướp giật tài sản”**

Căn cứ điểm d, i khoản 2 Điều 171; Điều 38; Điểm s khoản 1, Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự.

**2. Xử phạt:** Bị cáo Nguyễn Đức T 42 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giữ 25/8/2024.

Căn cứ điểm d, khoản 2 Điều 171; Điều 65; Điều 90; Điều 91; Điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự.

**Xử phạt:** Bị cáo Hoàng Tuấn K 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Hạn thử thách là 30 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho UBND phường T, quận Nam T, Thành phố H quản lý, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Nếu bị cáo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trả tự do ngay cho bị cáo K tại phiên tòa, nếu không bị tạm giữ, tạm giam về tội phạm khác.

Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106, Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

### **3. Về vật chứng vụ án:**

Tịch thu sung công:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro màu xanh lấp sim 0366502974 đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong, không kiểm tra số thuê bao, tại thời điểm bàn giao điện thoại không lên nguồn.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu trắng lấp sim 0866183299 đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong, không kiểm tra số thuê bao, tại thời điểm bàn giao điện thoại không lên nguồn.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng số 51/25 ngày 19/11/2024 giữa cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an quận B với Chi cục Thi hành án dân sự quận B)

**4. Về án phí và quyền kháng cáo:** Bị cáo T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; Bị cáo K được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định; Các bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị cáo, người bào chữa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án./.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

*Nơi nhận:*

- Người tham gia tố tụng
- VKS ND quận B
- Công an quận B
- Chi cục THA dân sự quận B
- Lưu HS

**Lê Thị Tuyết**